

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2020/HC-PT
Ngày: 30/12/2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực BHXH.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 411/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9411/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa:

Người khởi kiện: Bà Vũ Thị C; sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn R, xã T1, huyện T, thành phố H; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Xuân T2; sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn R, Xã T1, huyện T, thành phố H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N và bà Ngô Thị Tuyết N1 - Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Thị N thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố H; địa chỉ: Số 18, đường H2, phường M, quận H1, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Khắc N2, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Duy G, chức vụ: Phó trưởng ban tiếp công dân thành phố H; có mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc H3, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch UBND huyện T, thành phố H.

2. UBND huyện T, thành phố H.

Địa chỉ trụ sở: Khu 2 thị trấn T, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T: Ông Lê Tất D, chức vụ: Phó trưởng phòng Nội vụ huyện T, thành phố H; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Vũ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/1969, bà Vũ Thị C sau khi được đào tạo tại trường trung cấp y H, bà được về công tác tại Trạm y tế xã T1. Tháng 8/1972 đến năm 1990. Bà C được phân công Trạm phó Trạm Y tế xã. Ngày 25/5/1990, UBND huyện T ban hành Quyết định số 319/QĐ-UB quy định tạm thời việc sử dụng lao động của Trạm Y tế xã, thị trấn; UBND huyện T đã giao cho Trung tâm Y tế huyện ký hợp đồng với bà C. Năm 1991, bà C được bổ nhiệm là Trạm trưởng Trạm y tế xã T1. Nguồn kinh phí trả sinh hoạt phí cho cán bộ y tế xã do ngân sách xã chi. Ngày 22/12/1995, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 194/TB-UB về việc bà Vũ Thị C, cán bộ y tế xã T1 được nghỉ công tác từ ngày 30/12/1995 để lập hồ sơ giải quyết chế độ chính sách. Bà Vũ Thị C đã bàn giao công việc và nghỉ, không hưởng phụ cấp sinh hoạt phí từ sau tháng 12/1995.

Ngày 04/01/1996, UBND huyện T ban hành Quyết định số 07/QĐ-UB về việc xếp lương mới cho bà C với hệ số 2,41. Ngày 22/8/1999, UBND huyện T ban hành Quyết định số 607/QĐ-UB về giải quyết chế độ thôi việc đối với bà C và trợ cấp một lần mỗi năm bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương. Tổng tiền trợ cấp một lần là 3.759.600đồng.

Bà C không đồng ý với Quyết định số 607/QĐ-UB về giải quyết chế độ thôi việc đối với bà nên khiếu nại cho rằng năm 1995 (khi đó bà mới 46 tuổi) nên không thuộc các trường hợp nghỉ việc theo Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ. Tại thời điểm đó cũng không ai hướng dẫn bà đóng bảo hiểm xã hội. Bà đã nhận được Thông báo số 194 ngày 22/12/1995 và các quyết định hành chính nêu trên của UBND huyện T. Thực tế, UBND huyện T đã buộc bà nghỉ việc từ ngày 01/01/1996. UBND huyện T buộc bà nghỉ công tác khi chưa đến tuổi nghỉ việc đã gây thiệt hại cho bà. Bà đã làm đơn gửi đến các cơ quan nhưng không được giải quyết nên bà khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 2895/QĐ-CT ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H để được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Nhà nước, đồng thời yêu cầu UBND huyện T phải bồi thường toàn bộ số tiền lương bà đã không được hưởng trong thời gian bà bị buộc phải nghỉ việc không có căn cứ pháp luật từ ngày 01/01/1996 đến ngày 22/8/1999 với số tiền 28.920.000 đồng.

Ngày 13/01/2017, Chủ tịch UBND huyện T có Quyết định số 86/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại cho bà và giữ nguyên Quyết định hành chính về việc giải quyết chế độ thôi việc đối với bà C.

Ngày 30/10/2017, Chủ tịch UBND thành phố H có Quyết định số 2895/QĐ-CT về giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 16/11/2017, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2895/QĐ-CT ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H để khôi phục quyền lợi cho bà C, bà C phải được nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Nhà nước.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu biên chế của UBND huyện T và các quyết định của Nhà nước về số lượng cán bộ y tế của mỗi trạm y tế xã, phường thì bà C phải được xác định là biên chế Nhà nước. Bà C là trưởng trạm trong nhiều năm, được đào tạo chuyên môn chính quy phù hợp với cương vị công tác, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Căn cứ vào các quy định pháp luật tại thời điểm đó thì bà C đủ điều kiện để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí theo quy định. Mặt khác, bà C không phải chịu trách nhiệm về việc quá 01 định biên của Trạm y tế xã T1. Các quyết định của UBND huyện T giải quyết chế độ nghỉ việc một lần đối với bà C là không đúng.

Đại diện người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H trình bày:

- Về căn cứ pháp lý trong quá trình giải quyết vụ việc:

+ Về thẩm quyền quyết định cho thôi việc: Quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở *“Số cán bộ y tế xã, phường đang hưởng sinh hoạt phí theo các quy định trước đây nhưng không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được hưởng chế độ nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 46/CP ngày 23/6/1993 của Chính phủ”*.

Điều 4 Nghị định 46/CP ngày 23/6/1993 của Chính phủ hướng dẫn về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ Đảng, chính quyền và kinh phí hoạt động của các đoàn thể nhân dân ở xã, phường, thị trấn quy định: *“Cán bộ xã làm công tác ở xã liên tục từ 10 năm trở lên và không vi phạm kỷ luật thì khi nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp này tính theo số năm công tác, mỗi năm công tác được trợ cấp một tháng, lấy theo mức sinh hoạt phí đang hưởng trước lúc nghỉ việc để tính. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã ra quyết định cụ thể đối với những cán bộ được trợ cấp này”*.

Mục 1 Phần VII Thông tư số 08/TT-LB ngày 20/4/1995 của liên bộ Lao động, thương binh và xã hội, Tài chính, Y tế hướng dẫn một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở: *“Giám đốc Sở: Y tế, Tài chính vật giá, Lao động - Thương binh và xã hội, Trưởng ban Tổ chức chính quyền giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức hướng dẫn thực hiện Thông tư này”*.

Mục 1 Phần IV Hướng dẫn số 165/HD-LN ngày 11/8/1995 của Liên ngành thành phố: Y tế - Tài chính - Lao động, thương binh và xã hội - Ban tổ chức chính quyền thành phố (nay là Sở nội vụ) quy định: *“Căn cứ danh sách cán bộ y tế cơ sở đã được Sở Y tế và Ban tổ chức chính quyền thành phố thỏa thuận, Phòng tổ chức chính quyền và Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã nghiên cứu hồ sơ cán bộ y tế cơ sở, đề xuất với Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã ký hợp đồng lao động với cán bộ y tế cơ sở hoặc ra văn bản chính thức cho cán bộ y tế cơ sở nghỉ thôi việc”*.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định giải quyết chế độ thôi việc và trợ cấp một lần cho bà Vũ Thị C là đúng thẩm quyền.

+ Về giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội:

Từ thời điểm năm 1995, xã T1 có 3.239 dân nên chỉ được bố trí 03 định biên, trong khi đó Trạm y tế xã đang có 04 định biên đều có trình độ y sỹ nên phải giảm 01 định biên. Căn cứ Mục 1, phần II và Mục 1, phần IV Hướng dẫn số 165/HD-LN ngày 11/8/1995 của Liên ngành thành phố: Y tế - Tài chính - Lao động, Thương binh và Xã hội - Ban Tổ chức chính quyền thành phố (nay là Sở Nội vụ) quy định: *“Xã có từ 4.000 dân trở xuống bố trí 3 định biên”*.

Ngày 09/8/1995, Đảng ủy, UBND xã T1 cùng cán bộ Trạm Y tế xã tổ chức họp, có sự tham gia của đại diện Phòng Tổ chức Chính quyền, Trung tâm Y tế

huyện bàn bạc và đi đến thống nhất để bà Vũ Thị C, Trưởng Trạm Y tế xã nghỉ việc hưởng trợ cấp một lần.

Ngày 12/8/1999, UBND huyện T ban hành Quyết định số 607/QĐ-UB về việc giải quyết chế độ thôi việc, trợ cấp một lần đối với bà Vũ Thị C. Ngày 30/8/1999, bà C viết giấy biên nhận tiền, ngày 31/8/1999 UBND xã T1 đã lập Phiếu chi số 128 và bà C đã ký người nhận tiền hưởng chế độ trợ cấp một lần.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với cán bộ y tế cơ sở; điểm 4 Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 23/6/1993 của Chính phủ; điểm 5 Mục B Phần V Thông tư số 08/TT-LĐ ngày 20/4/1995 của Liên Bộ: Y tế, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 607/QĐ-UB ngày 12/8/1999 về việc giải quyết chế độ thôi việc, trợ cấp một lần đối với bà Vũ Thị C là đúng quy định pháp luật.

Ý kiến tham gia, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương: Xét tính chất phức tạp của vụ việc, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Văn bản số 4115/UBND-NC ngày 04/7/2018, số 3329/UBND-KSTTHC ngày 06/6/2019 gửi Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xin ý kiến về việc áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết vụ việc đảm bảo khách quan, đúng quy định pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Các bộ, ngành Trung ương đều có chung quan điểm trong việc áp dụng các quy định tại Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 08/TT-LB ngày 20/4/1995 của Liên Bộ Lao động thương binh xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Y tế và hướng dẫn liên ngành số 165/HD-LN ngày 22/12/1995, cụ thể như sau:

Ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Văn bản số 2220/LĐTBXH-BHXXH ngày 06/6/2017 của Vụ Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Lao động- Thương binh và xã hội; Văn bản số 3027/LĐTBXH-BHXXH ngày 30/7/2017 của Bộ Lao động –Thương binh và xã hội *“Theo quy định tại Thông tư số 10-TT/LB ngày 07/6/1988 của Liên Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Y tế hướng dẫn bổ sung việc tính thời gian công tác đối với cán bộ y tế ở xã, phường theo Quyết định số 123-HĐBT ngày 19/8/1987 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về chính sách, chế độ đối với cán bộ y tế xã, phường thì bà C thuộc diện ký hợp đồng lao động không thuộc diện biên chế Nhà nước nên thời gian làm việc tại xã của bà không được tính để hưởng bảo hiểm xã hội”*.

Ý kiến của Bảo hiểm xã hội Việt Nam: *“Các Văn bản số 3087/BHXXH-CSXH ngày 16/8/2018, số 1823/BHXXH-CSXH ngày 28/5/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam: “Thống nhất với ý kiến của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tại văn bản số 2220/LĐTBXH-BHXXH ngày 06/6/2017”*.

Ý kiến của Bộ y tế: Văn bản số 6124/BYT-TCCB ngày 17/10/2019 của Bộ Y tế nêu rõ: “- Về thẩm quyền ban hành văn bản thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động trong ngành y tế ở địa phương thuộc thẩm quyền của địa phương và quy định của pháp luật.”

- Về điều kiện, tiêu chuẩn, chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ thôi việc đối với những cán bộ y tế cơ sở đang hưởng sinh hoạt phí đã được hướng dẫn tại Thông tư số 08/TT-LB ngày 20/4/1995 của Liên Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế.”

Quá trình giải quyết đơn, UBND thành phố H nhận thấy rằng mặc dù khiếu nại của bà Vũ Thị C không đủ cơ sở giải quyết, tuy nhiên xét trên cơ sở thực tế những đóng góp, thời gian công tác của những trường hợp như bà Vũ Thị C là có thiệt thòi về quyền lợi. Hơn nữa, thời điểm giải quyết chế độ cho các đối tượng như trường hợp của bà Vũ Thị C thành phố H chưa hỗ trợ mức tối đa do tình hình kinh tế - xã hội còn khó khăn.

Ủy ban nhân dân thành phố H đã họp, chỉ đạo các ngành, địa phương thống nhất đề xuất mức tiền hỗ trợ thêm bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương x hệ số lúc nghỉ x số năm công tác x mức lương cơ sở tại thời điểm hiện tại cho bà Vũ Thị C; chỉ đạo lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện T nhiều lần trực tiếp làm việc, vận động, hòa giải gia đình bà Vũ Thị C chấm dứt khiếu kiện. Tuy nhiên, bà không chấp nhận phương án hỗ trợ theo hướng đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố H mà tiếp tục khởi kiện (Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T) nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính của bà Vũ Thị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T trình bày:

Căn cứ Quyết định số 58/TTg; Thông tư số 08/TT-LB; Hướng dẫn liên ngành số 165/HD-LN; Tại Mục 1, Phần II, Hướng dẫn liên ngành số 165/HD-LN: “Xã có từ 4.000 dân trở xuống bố trí 3 định biên”, thời điểm năm 1995, xã T1 có 3.239 người, như vậy chỉ được bố trí 3 định biên, trong khi đó Trạm Y tế xã đang có 4 định biên đều có trình độ y sỹ (các bà: C, Đ1, A, T3), theo quy định thì phải giảm một định biên. Vì vậy, ngày 09/8/1995, Đảng ủy, UBND xã T1 cùng cán bộ Trạm Y tế xã tổ chức họp, có sự tham gia của đại diện Phòng Tổ chức Chính quyền, Trung tâm Y tế huyện, bàn bạc và đi đến thống nhất đề bà Vũ Thị C, Trưởng Trạm Y tế xã nghỉ việc để hưởng trợ cấp một lần (có biên bản cuộc họp kèm theo).

Ngày 22/12/1995, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 194/TB-UB về việc bà Vũ Thị C, cán bộ y tế xã T1 được nghỉ công tác từ ngày 30/12/1995 để lập hồ sơ giải quyết chế độ chính sách. Bà Vũ Thị C đã bàn giao công việc và nghỉ,

không hưởng phụ cấp sinh hoạt phí từ sau tháng 12/1995. Trung tâm Y tế đã nhiều lần thông báo để bà Vũ Thị C đến làm thủ tục để nhận chế độ nghỉ việc nhưng bà Vũ Thị C không đến thực hiện (có Thông báo số 115 kèm theo).

Căn cứ Quyết định số 58/TTg; Hướng dẫn liên ngành số 165/HD-LN; cụ thể tại Mục 1, Phần IV, Hướng dẫn liên ngành số 165/HD-LN có ghi: “*Căn cứ danh sách cán bộ y tế cơ sở (cả danh sách cán bộ tiếp tục làm việc và danh sách thôi việc) đã được Sở Y tế và Ban Tổ chức Chính quyền thành phố thỏa thuận, Phòng Tổ chức Chính quyền và Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã nghiên cứu hồ sơ cán bộ y tế cơ sở, đề xuất với UBND huyện, quận, thị xã ký hợp đồng lao động với cán bộ y tế cơ sở hoặc ra văn bản chính thức cho cán bộ y tế cơ sở nghỉ thôi việc*”, vì vậy ngày 12/8/1999, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 607/QĐ-UB về việc giải quyết chế độ thôi việc đối với bà Vũ Thị C. Sau đó bà Vũ Thị C đã nhận tiền trợ cấp một lần từ ngân sách xã T1.

Căn cứ các quy định pháp luật tại thời điểm cho bà C thôi việc thì UBND huyện T ban hành Quyết định số 607/QĐ-UB ngày 12/8/1999 về việc giải quyết chế độ thôi việc đối với bà Vũ Thị C là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết đơn, Ủy ban nhân dân huyện T nhận thấy mặc dù khiếu nại của bà Vũ Thị C không đủ cơ sở giải quyết, tuy nhiên Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và trên cơ sở thực tế đóng góp, thời gian công tác của những trường hợp như bà Vũ Thị C là có thiệt thòi về quyền lợi. Hơn nữa, thời điểm giải quyết chế độ cho các đối tượng như trường hợp của bà C thành phố H chưa hỗ trợ mức tối đa do tình hình kinh tế- xã hội khó khăn. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan có liên quan nhiều lần tổ chức làm việc, vận động, hòa giải đề xuất mức tiền hỗ trợ thêm bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương x hệ số lúc nghỉ x số năm công tác x mức lương cơ sở tại thời điểm hiện tại cho bà Vũ Thị C để gia đình bà chấm dứt khiếu kiện. Tuy nhiên, bà Vũ Thị C không chấp nhận phương án hỗ trợ theo hướng đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện mà tiếp tục khởi kiện.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính của bà Vũ Thị C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, 36, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C về việc: “Yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 2895/QĐ-CT ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H để bà được hưởng chế độ hưu trí theo quy định; yêu cầu bồi thường toàn bộ số tiền lương bà đã không được hưởng trong thời gian UBND huyện T đã buộc bà phải nghỉ việc là 28.920.000đồng” vì không có căn cứ.

2. Kiến nghị UBND huyện T xem xét, hỗ trợ một phần kinh phí cho người khởi kiện như ý kiến đã đề xuất trước đây để đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/11/2019, người khởi kiện là bà Vũ Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bà Vũ Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo cho rằng căn cứ vào các quy định pháp luật tại thời điểm nghỉ việc thì bà C đủ điều kiện để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí theo quy định của Nhà nước. Các quyết định của UBND huyện T giải quyết chế độ nghỉ việc một lần đối với bà C là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa Bản án hành chính sơ thẩm; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2895/QĐ-CT ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H để khôi phục quyền lợi cho bà C, bà C phải được nghỉ hưu và hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Quyết định giải quyết khiếu nại số 2895/QĐ-CT ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H có liên quan đến Quyết định số 86/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 1 và Quyết định số 607/QĐ-UB ngày 12/8/1999 về việc giải quyết chế độ thôi việc đối với bà Vũ Thị C có căn cứ pháp luật. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đề nghị hủy các Quyết định hành chính nêu trên là đúng quy định. Tòa án sơ thẩm cũng đã có kiến nghị Chủ tịch UBND huyện T xem xét chi trả bổ sung tiền trợ cấp một lần cho bà C bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương theo mức lương cơ sở hiện tại và số năm công tác là đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 16/11/2017, bà Vũ Thị C khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2895/QĐ-CT ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H có liên quan đến Quyết định số 86/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 1 và Quyết định số 607/QĐ-UB ngày 12/8/1999 về việc giải quyết chế độ thôi việc đối với bà Vũ Thị C. Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án và xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, Quyết định hành chính bị khởi kiện, Quyết định hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại điểm b khoản 5 Điều 3 Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số vấn đề về tổ chức và chế độ, chính sách đối với y tế cơ sở dẫn chiếu tới Nghị quyết số 46/CP ngày 23/6/1993 của Chính phủ quy định cán bộ xã làm công tác ở xã liên tục từ 10 năm trở lên và không vi phạm kỷ luật thì khi nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần và Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã ra quyết định cụ thể đối với những cán bộ này. Trong khi đó, Mục 1 Phần VII Thông tư số 08/TT-LB ngày 20/4/1995 của liên Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Tài chính và Y tế quy định Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn thực hiện thông tư này. Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thẩm quyền ra văn bản chính thức cho cán bộ y tế cơ sở nghỉ, thôi việc có phần mâu thuẫn, chưa cụ thể rõ ràng nên liên ngành Y tế, Tài chính, Lao động - Thương binh và xã hội, Ban tổ chức chính quyền thành phố H (nay là Sở Nội vụ) đã ban hành Hướng dẫn số 165/HD-LN ngày 11/8/1995, tại Mục 1 Phần IV quy định: *“căn cứ danh sách cán bộ y tế cơ sở đã được Sở Y tế và Ban Tổ chức Chính quyền thành phố thỏa thuận, Phòng tổ chức chính quyền và Trung tâm y tế huyện nghiên cứu hồ sơ cán bộ y tế cơ sở, đề xuất với UBND huyện ký hợp đồng lao động với cán bộ y tế cơ sở hoặc ra văn bản chính thức cho cán bộ y tế cơ sở nghỉ thôi việc”*. Như vậy, UBND huyện T, thành phố H ký ban hành Quyết định số 607/QĐ-UB ngày 12/8/1999 về việc giải quyết chế độ thôi việc đối với bà Vũ Thị C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tháng 8/1969, bà Vũ Thị C sau khi được đào tạo tại trường trung cấp y H, bà được về công tác tại Trạm y tế xã T1. Tháng 8/1972 đến năm 1990, bà C được phân công Trạm phó Trạm Y tế xã. Ngày 25/5/1990, UBND huyện T ban hành Quyết định số 319/QĐ-UB quy định tạm thời việc sử dụng lao động của Trạm Y tế xã, thị trấn; UBND huyện T đã giao cho Trung tâm Y tế huyện ký hợp đồng với bà C. Năm 1991, bà C được bổ nhiệm là Trạm trưởng Trạm y tế xã T1. Nguồn kinh phí trả sinh hoạt phí cho cán bộ y tế xã do ngân sách xã chi. Theo Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994, và Thông tư hướng dẫn số 08/TT-LB

ngày 20/4/1995 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế, Ban tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) về một số vấn đề tổ chức và chế độ chính sách đối với cán bộ y tế cơ sở; Mục 1, Phần II Hướng dẫn số 165/HD-LN ngày 11/8/1995 của liên ngành thành phố H quy định: “Xã có từ 4.000 dân trở xuống bố trí 3 định biên”. Tại thời điểm năm 1995, xã T1 có 3.239 người nên chỉ được bố trí 3 định biên, trong khi đó Trạm Y tế xã đang có 04 định biên đều có trình độ y sỹ nên phải giảm 01 định biên. Ngày 09/8/1995, xã T1 đã tổ chức họp có sự tham gia đầy đủ của các đơn vị liên quan, bàn bạc và thống nhất đề bà C, Trưởng Trạm Y tế xã nghỉ việc và hưởng trợ cấp một lần. Ngày 05/11/1996, UBND huyện T ban hành Thông báo số 115/TB-YT về việc giải quyết chế độ một lần và yêu cầu bà C đến làm thủ tục giải quyết chế độ. Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 165/HD-LN ngày 11/8/1995 của liên ngành thành phố. Ngày 12/8/1999, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 607/QĐ-UB về việc giải quyết chế độ thôi việc cho bà Vũ Thị C có thời gian công tác là 26 năm và hưởng trợ cấp một lần mỗi năm $\frac{1}{2}$ tháng lương, với mức trợ cấp một lần được hưởng là 3.759.600 đồng. Tại thời điểm UBND huyện T ban hành quyết định giải quyết chế độ thôi việc thì bà C chưa đủ 55 tuổi, đã nhận trợ cấp một lần và không được ký hợp đồng lao động để tiếp tục làm việc tại Trạm Y tế xã.

[4] Việc UBND huyện T, thành phố H giải quyết nghỉ chế độ một lần là có sự đồng ý xin nghỉ của bà C và bà đã ký xác nhận tại Biên bản cuộc họp ngày 09/8/1995 của UBND xã T1, không có khiếu nại. Bà đã bàn giao công việc và nghỉ việc không hưởng phụ cấp sinh hoạt phí từ sau ngày 30/12/1995. Tại Giấy biên nhận tiền ngày 30/8/1999, bà C xác nhận đã nhận số tiền 3.759.600 đồng từ ngân sách xã T1. Ngày 31/8/1999, UBND xã T1 đã lập Phiếu chi số 128 và bà C đã ký người nhận tiền hưởng chế độ trợ cấp một lần. Việc bà C cho rằng bà bị UBND huyện T, thành phố H áp đặt, buộc nghỉ việc trái ý muốn của bà và yêu cầu đòi bồi thường số tiền lương được hưởng từ ngày 01/01/1996 đến ngày 22/8/1999 với số tiền 28.920.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Quyết định 607/QĐ-UB ngày 12/8/1999 của UBND huyện T, thành phố H về việc giải quyết chế độ thôi việc, trợ cấp một lần đối với bà Vũ Thị C là có căn cứ, đúng quy định. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 86/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện T giữ nguyên quyết định hành chính về giải quyết chế độ thôi việc, hưởng trợ cấp một lần và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2895/QĐ-CT ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H không chấp nhận khiếu nại của bà C là có căn cứ.

[5] Tuy nhiên, Quyết định 607/QĐ-UB ngày 12/8/1999 của UBND huyện T, thành phố H về việc giải quyết chế độ thôi việc, trợ cấp một lần đối với bà C với mức trợ cấp mỗi năm công tác bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương là chưa đúng với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Quyết định số 58/TTg ngày 3/2/1994 của Thủ tướng Chính

phủ và Điều 4 Nghị quyết số 46/CP ngày 23/6/1993 của chính phủ. Tòa án sơ thẩm quyết định kiến nghị Chủ tịch UBND huyện T, thành phố H xem xét chi trả bổ sung tiền trợ cấp một lần cho bà C bằng 1/2 tháng lương theo mức lương cơ sở hiện tại tương ứng với số năm công tác của bà là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Vũ Thị C đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố H.

[6] Bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện là Vũ Thị C; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2020/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H;

2. Bà Vũ Thị C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

***Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai